TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
**TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV**

# DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
# TỔ CHỨC NGÀY 11/10/2026

| TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Dân tộc | Số CCCD | Điểm thi | | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu | Ngày cấp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Lý thuyết | Thực hành | | | | |
| 1 | Cao Hà An | Nữ | 08/02/2004 | Nghệ An | Kinh | 040304006851 | 7.3 | 7.0 | 188/DCV/T/474/26 | DCVTH260188 | 13/10/2026 | |
| 2 | Sầm Thị Dinh | Nữ | 14/01/2004 | Nghệ An | Thái | 040304017244 | 8.0 | 9.0 | 189/DCV/T/474/26 | DCVTH260189 | 13/10/2026 | |
| 3 | Trần Duy Hải | Nam | 21/07/1987 | Nghệ An | Kinh | 040087002522 | 8.7 | 9.0 | 190/DCV/T/474/26 | DCVTH260190 | 13/10/2026 | |
| 4 | Trần Khánh Hậu | Nữ | 01/09/2004 | Nghệ An | Kinh | 040304005715 | 6.0 | 7.5 | 191/DCV/T/474/26 | DCVTH260191 | 13/10/2026 | |
| 5 | Nguyễn Thị Hiền | Nữ | 03/05/1995 | Nghệ An | Kinh | 040195028724 | 6.3 | 8.5 | 192/DCV/T/474/26 | DCVTH260192 | 13/10/2026 | |
| 6 | Nguyễn Thị Hiền | Nữ | 06/08/1998 | Nghệ An | Kinh | 040198025504 | 5.7 | 5.0 | 193/DCV/T/474/26 | DCVTH260193 | 13/10/2026 | |
| 7 | Nguyễn Thị Hoài | Nữ | 23/03/1997 | Nghệ An | Kinh | 040197018946 | 8.0 | 8.5 | 194/DCV/T/474/26 | DCVTH260194 | 13/10/2026 | |
| 8 | Lê Mạnh Hùng | Nam | 06/04/1997 | Nghệ An | Kinh | 040097016718 | 7.0 | 9.0 | 195/DCV/T/474/26 | DCVTH260195 | 13/10/2026 | |
| 9 | Nguyễn Thị Ngà | Nữ | 21/07/1997 | Nghệ An | Kinh | 040197020529 | 5.7 | 5.0 | 196/DCV/T/474/26 | DCVTH260196 | 13/10/2026 | |
| 10 | Hồ Thị Hồng Ngọc | Nữ | 21/12/1998 | Nghệ An | Kinh | 040198008130 | 5.7 | 6.5 | 197/DCV/T/474/26 | DCVTH260197 | 13/10/2026 | |
| 11 | Nguyễn Thị Ngọc | Nữ | 12/10/1991 | Nghệ An | Kinh | 040191008852 | 7.3 | 7.0 | 198/DCV/T/474/26 | DCVTH260198 | 13/10/2026 | |
| 12 | Nguyễn Minh Quân | Nam | 27/01/2004 | Nghệ An | Kinh | 040204021045 | 6.3 | 8.0 | 199/DCV/T/474/26 | DCVTH260199 | 13/10/2026 | |
| 13 | Nguyễn Văn Thành | Nam | 24/10/1993 | Nghệ An | Kinh | 040093002219 | 8.0 | 7.5 | 200/DCV/T/474/26 | DCVTH260200 | 13/10/2026 | |
| 14 | Nguyễn Thị Trâm | Nữ | 01/01/1997 | Nghệ An | Kinh | 040197005772 | 6.0 | 6.0 | 201/DCV/T/474/26 | DCVTH260201 | 13/10/2026 | |
| 15 | Quách Thị Thu Trang | Nữ | 25/03/2003 | Nghệ An | Kinh | 040303002318 | 5.0 | 6.5 | 202/DCV/T/474/26 | DCVTH260202 | 13/10/2026 | |
| 16 | Võ Thị Vân | Nữ | 02/03/1977 | Nghệ An | Kinh | 040177016514 | 5.3 | 6.5 | 203/DCV/T/474/26 | DCVTH260203 | 13/10/2026 | |
| 17 | Hoàng Thị Ngọc Yến | Nữ | 15/10/1992 | Nghệ An | Kinh | 040192030574 | 7.0 | 5.5 | 204/DCV/T/474/26 | DCVTH260204 | 13/10/2026 | |
| 18 | Nguyễn Thị Thục Anh | Nữ | 10/09/2004 | Nghệ An | Kinh | 040304028314 | 6.3 | 7.0 | 205/DCV/T/474/26 | DCVTH260205 | 13/10/2026 | |
| 19 | Hà Thị Linh Chi | Nữ | 04/07/2004 | Thanh Hóa | Kinh | 038304027110 | 8.0 | 8.0 | 206/DCV/T/474/26 | DCVTH260206 | 13/10/2026 | |
| 20 | Trương Văn Cường | Nam | 17/02/2003 | Quảng Trị | Kinh | 044203001898 | 6.3 | 8.5 | 207/DCV/T/474/26 | DCVTH260207 | 13/10/2026 | |

| TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Dân tộc | Số CCCD | Điểm thi | | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu | Ngày cấp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Lý thuyết | Thực hành | | | | |
| 21 | Phan Huyền Diệu | Nữ | 16/02/2004 | Thanh Hóa | Mường | 038304021439 | 5.7 | 8.0 | 208/DCV/T/474/26 | DCVTH260208 | 13/10/2026 | |
| 22 | Phạm Thị Thùy Dương | Nữ | 15/11/2004 | Ninh Bình | Kinh | 037304000627 | 8.3 | 8.0 | 209/DCV/T/474/26 | DCVTH260209 | 13/10/2026 | |
| 23 | Vũ Thị Hạnh | Nữ | 16/10/2001 | Ninh Bình | Kinh | 035301000452 | 8.0 | 8.5 | 210/DCV/T/474/26 | DCVTH260210 | 13/10/2026 | |
| 24 | Nguyễn Thị Hương Ly | Nữ | 16/02/2001 | Nghệ An | Kinh | 040301001067 | 5.7 | 6.5 | 211/DCV/T/474/26 | DCVTH260211 | 13/10/2026 | |
| 25 | Phạm Thị Trà My | Nữ | 10/05/2004 | Nghệ An | Kinh | 040304020983 | 6.0 | 7.0 | 212/DCV/T/474/26 | DCVTH260212 | 13/10/2026 | |
| 26 | Nguyễn Thị Ngọc | Nữ | 22/03/2003 | Nghệ An | Kinh | 040303008262 | 7.0 | 9.0 | 213/DCV/T/474/26 | DCVTH260213 | 13/10/2026 | |
| 27 | Đậu Thị Ngọc | Nữ | 24/01/2004 | Nghệ An | Kinh | 040304013929 | 6.3 | 8.0 | 214/DCV/T/474/26 | DCVTH260214 | 13/10/2026 | |
| 28 | Nguyễn Thị Phương | Nữ | 19/12/2004 | Nghệ An | Kinh | 040304000856 | 7.3 | 8.0 | 215/DCV/T/474/26 | DCVTH260215 | 13/10/2026 | |
| 29 | Mai Thị Kim Phượng | Nữ | 01/03/1989 | Hưng Yên | Kinh | 033189008058 | 6.3 | 9.0 | 216/DCV/T/474/26 | DCVTH260216 | 13/10/2026 | |
| 30 | Hoàng Thị Tâm | Nữ | 04/08/2003 | Đắk Lắk | Kinh | 066303002010 | 6.0 | 6.0 | 217/DCV/T/474/26 | DCVTH260217 | 13/10/2026 | |
| 31 | Vi Thị Thiết | Nữ | 09/02/2002 | Nghệ An | Thái | 040302006771 | 6.0 | 7.0 | 218/DCV/T/474/26 | DCVTH260218 | 13/10/2026 | |
| 32 | Hoàng Thị Thu | Nữ | 02/09/2002 | Nghệ An | Kinh | 040302021985 | 7.0 | 7.5 | 219/DCV/T/474/26 | DCVTH260219 | 13/10/2026 | |
| 33 | Lang Thị Trang | Nữ | 20/09/2003 | Nghệ An | Thái | 040303005364 | 8.3 | 7.0 | 220/DCV/T/474/26 | DCVTH260220 | 13/10/2026 | |
| 34 | Nguyễn Thị Mai Trinh | Nữ | 29/10/2003 | Nghệ An | Kinh | 040303013370 | 6.7 | 8.0 | 221/DCV/T/474/26 | DCVTH260221 | 13/10/2026 | |
| 35 | Phạm Thị Tuyết | Nữ | 09/06/2004 | Nghệ An | Kinh | 040304007599 | 6.3 | 7.5 | 222/DCV/T/474/26 | DCVTH260222 | 13/10/2026 | |